

Số: 338 /2019/WSB

Cần Thơ, ngày 10 tháng 8 năm 2019

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng bán niên 2019)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng bán niên 2019 đã soát xét bởi Công ty TNHH KPMG. Nội dung báo cáo bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Giải trình chênh lệch tăng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng bán niên 2019 cao hơn cùng kỳ năm trước 183% (tăng từ 28,17 tỷ đồng lên 78,94 tỷ đồng) do các nguyên nhân sau:

+ Ghi nhận lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 chuyển về từ Công ty con 100% vốn (Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng), Báo cáo soát xét bán niên năm 2018 chưa ghi nhận.

+ Lợi nhuận hoạt động sản xuất chính tăng do sản lượng tiêu thụ tăng.

Địa chỉ đăng tải nội dung báo cáo: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu HC.



Lê Đăng Khoa



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 18 tháng 4 năm 2019

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 18 tháng 4 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Nam
Ông Trần Nguyên Trung
Ông Phạm Đình Hùng
Ông Nguyễn Văn Đồi
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Thành viên
(đến ngày 29 tháng 3 năm 2019)

Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh
Ông Đoàn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa
Ông Phạm Minh Quân
Ông Nguyễn Đức Tuấn

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Nguyễn Thành Nam
Ông Lê Đăng Khoa (từ ngày 18 tháng 4 năm 2019)

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 5 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00251-19-1



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		190.558.050.822	184.760.210.371
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	80.775.895.536	15.997.888.555
Tiền	111		125.895.536	197.888.555
Các khoản tương đương tiền	112		80.650.000.000	15.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.058.022.835	133.111.682.026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	7.283.985.074	16.514.361.114
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.416.527.272	1.731.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	72.357.510.489	114.866.320.912
Hàng tồn kho	140	9	26.689.831.346	34.877.486.931
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.034.301.105	773.152.859
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.034.301.105	773.152.859

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		405.613.187.025	374.631.232.290
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
Tài sản cố định	220		266.650.119.142	288.642.412.736
Tài sản cố định hữu hình	221	10	266.650.119.142	288.642.412.736
Nguyên giá	222		490.416.435.111	496.537.884.204
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(223.766.315.969)	(207.895.471.468)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
Bất động sản đầu tư	230	11	4.220.613.857	-
Nguyên giá	231		7.213.540.002	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.992.926.145)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.036.505.770	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.036.505.770	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	112.376.192.600	67.286.255.400
Đầu tư vào công ty con	251		90.000.000.000	45.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		16.135.902.200	16.135.902.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(759.709.600)	(849.646.800)
Tài sản dài hạn khác	260		19.326.755.656	18.699.564.154
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	19.326.755.656	18.699.564.154
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		596.171.237.847	559.391.442.661

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

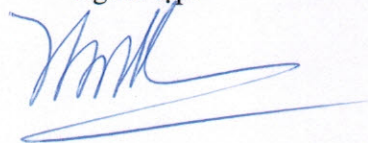
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		73.452.964.816	103.592.705.294
Nợ ngắn hạn	310		69.709.128.002	99.728.870.291
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.071.143.529	13.169.823.422
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.543.100	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	35.580.897.246	28.609.817.223
Phải trả người lao động	314		3.636.614.813	7.044.883.988
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.861.252.011	638.564.671
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.073.882.867	34.760.684.092
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	10.482.794.436	15.505.096.895
Nợ dài hạn	330		3.743.836.814	3.863.835.003
Phải trả dài hạn khác	337		10.000.000	38.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	3.733.836.814	3.825.835.003
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		522.718.273.031	455.798.737.367
Vốn chủ sở hữu	410	20	522.718.273.031	455.798.737.367
Vốn cổ phần	411	21	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		200.006.826.077	133.087.290.413
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		128.962.063.720	87.268.912.924
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		71.044.762.357	45.818.377.489
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		596.171.237.847	559.391.442.661

Ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	186.374.749.148	171.127.905.338
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	143.344.754.663	136.114.062.684
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		43.029.994.485	35.013.842.654
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	51.175.211.259	7.136.729.968
Chi phí tài chính	22		(89.937.200)	696.808.307
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	44.038.307
Chi phí bán hàng	25		54.643.900	212.806.885
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	8.017.588.170	8.109.868.490
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		86.222.910.874	33.131.088.940
Thu nhập khác	31		61.075.511	437.922.865
Chi phí khác	32		8.006.892	59.471.706
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		53.068.619	378.451.159
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		86.275.979.493	33.509.540.099
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	7.333.588.194	5.343.100.520
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		78.942.391.299	28.166.439.579

Ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		86.275.979.493	33.509.540.099
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		18.863.770.646	18.653.720.677
Các khoản dự phòng	03		(93.157.270)	2.637.415.774
Lãi tiền gửi	05		(796.569.700)	(4.812.468)
Thu nhập từ cổ tức	05		(50.378.641.559)	(7.131.917.500)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(376.269.459)
Chi phí lãi vay	06		-	44.038.307
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.871.381.610	47.331.715.430
Biến động các khoản phải thu	09		9.452.402.334	(12.947.361.102)
Biến động hàng tồn kho	10		8.187.655.585	(2.091.773.838)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(19.103.827)	3.864.336.806
Biến động chi phí trả trước	12		(888.339.748)	1.502.760.288
			70.603.995.954	37.659.677.584
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(44.038.307)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.529.549.861)	(7.234.905.427)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(13.486.631.703)	(16.882.857.557)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.587.814.390	13.497.876.293
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(3.521.295.525)	(6.883.469.410)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	585.590.908
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25		(45.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		92.776.468.116	40.239.129.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44.255.172.591	33.941.251.466

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền thu từ đi vay	33	- 51.719.820.061
	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- (51.719.820.061)
	Tiền chi trả cổ tức	36	(29.064.980.000) (28.666.480.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.064.980.000) (28.666.480.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	64.778.006.981 18.772.647.759
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	15.997.888.555 234.954.255
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70 6	80.775.895.536 19.007.602.014

Ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là “WSB”.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 13.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 113 nhân viên (1/1/2019: 117 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 38 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 2 – 10 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(g) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 8 – 25 năm |
|--------------------------|------------|

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	63.504.000	102.497.800
Tiền gửi ngân hàng	62.391.536	95.390.755
Các khoản tương đương tiền	80.650.000.000	15.800.000.000
	80.775.895.536	15.997.888.555

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm. (1/1/2019: 5,5% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	6.832.542.024	12.743.161.114
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	3.731.200.000
Các khách hàng khác	451.443.050	40.000.000
	7.283.985.074	16.514.361.114

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	6.832.542.024	12.743.161.114
Bên liên quan khác Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	3.731.200.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận và cổ tức được chia	71.977.795.872	114.693.738.404
Phải thu lãi tiền gửi	179.450.684	-
Tạm ứng cho nhân viên	154.123.000	160.000.000
Phải thu khác	46.140.933	12.582.508
	72.357.510.489	114.866.320.912
	72.357.510.489	114.866.320.912

9. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	7.348.393.007	-	9.026.130.311	-
Công cụ và dụng cụ	4.524.780.102	-	4.803.769.806	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	12.278.903.839	-	10.900.510.470	-
Thành phẩm	2.537.754.398	-	10.147.076.344	-
	26.689.831.346	-	34.877.486.931	-
	26.689.831.346	-	34.877.486.931	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	69.538.229.570	407.917.509.495	8.891.597.735	10.190.547.404	496.537.884.204
Tăng trong kỳ	-	-	-	83.000.000	83.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.009.090.909	-	-	1.009.090.909
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.213.540.002)	-	-	-	(7.213.540.002)
Số dư cuối kỳ	62.324.689.568	408.926.600.404	8.891.597.735	10.273.547.404	490.416.435.111
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	24.544.696.975	172.580.374.080	5.293.749.240	5.476.651.173	207.895.471.468
Khấu hao trong kỳ	2.041.142.781	15.836.103.243	450.305.814	536.218.808	18.863.770.646
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.992.926.145)	-	-	-	(2.992.926.145)
Số dư cuối kỳ	23.592.913.611	188.416.477.323	5.744.055.054	6.012.869.981	223.766.315.969
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	44.993.532.595	235.337.135.415	3.597.848.495	4.713.896.231	288.642.412.736
Số dư cuối kỳ	38.731.775.957	220.510.123.081	3.147.542.681	4.260.677.423	266.650.119.142

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 46.987 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 46.226 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình và số dư cuối kỳ	7.213.540.002
	7.213.540.002
Khấu hao lũy kế	
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình và số dư cuối kỳ	2.992.926.145
	2.992.926.145
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	4.220.613.857
	4.220.613.857

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	340.404.773
Tăng trong kỳ	4.045.596.679	505.944.961
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.009.090.909)	(773.417.016)
	3.036.505.770	72.932.718
	3.036.505.770	72.932.718

Số dư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 phản ánh máy nén khí đang trong quá trình lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2019			1/1/2019		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào:						
Công ty con						
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng Công ty liên kết	Không áp dụng	100%	90.000.000.000	Không áp dụng	100%	45.000.000.000
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu Đơn vị khác	2.402.400	20%	7.000.000.000	2.402.400	20%	7.000.000.000
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	1.891.807	9,46%	13.980.715.400
• Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	145.060	1,28%	2.155.186.800	145.060	1,28%	2.155.186.800
			<u>113.135.902.200</u>			<u>68.135.902.200</u>
			(759.709.600)			(849.646.800)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	45.000.000.000	45.000.000.000
Tăng trong kỳ	45.000.000.000	-
Số dư cuối kỳ	90.000.000.000	45.000.000.000

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ	849.646.800 (89.937.200)	341.936.800 652.770.000
Số dư cuối kỳ	759.709.600	994.706.800

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	12.560.919.256	1.238.464.658	3.424.462.409	1.475.717.831	18.699.564.154
Tăng trong kỳ	-	1.323.000.000	1.991.419.455	-	3.314.419.455
Phân bổ trong kỳ	(211.337.514)	(791.528.662)	(1.228.395.878)	(455.965.899)	(2.687.227.953)
Số dư cuối kỳ	12.349.581.742	1.769.935.996	4.187.485.986	1.019.751.932	19.326.755.656

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Mê Kông	1.094.627.369	1.196.269.562
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	734.229.100	2.294.466.081
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	607.301.154	1.731.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	43.682.724	2.153.022.724
Các nhà cung cấp khác	3.591.303.182	5.795.065.055
	6.071.143.529	13.169.823.422

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	734.229.100	2.294.466.081
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	43.682.724	2.153.022.724

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	19.671.618.992	172.636.033.491	(165.378.925.045)	26.928.727.438
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.722.560.090	7.333.588.194	(7.529.549.861)	4.526.598.423
Thuế giá trị gia tăng	3.686.891.172	35.751.935.484	(35.478.229.353)	3.960.597.303
Thuế thu nhập cá nhân	528.746.969	1.410.123.083	(1.773.895.970)	164.974.082
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	28.609.817.223	217.134.680.252	(210.163.600.229)	35.580.897.246

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	4.911.993.808	33.976.973.808
Chi hộ bởi công ty con	1.923.452.312	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	400.550.000	517.118.200
Phải trả ngắn hạn khác	2.837.886.747	266.592.084
	10.073.882.867	34.760.684.092

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	15.505.096.895	19.850.737.164
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	4.125.226.693	-
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	7.466.626.093	4.297.961
Sử dụng trong kỳ	(13.397.853.584)	(15.495.357.557)
Chuyển quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	(492.659.382)	(1.627.952.097)
Chuyển sang quỹ công tác xã hội	(2.723.642.279)	-
Số dư cuối kỳ	10.482.794.436	2.731.725.471

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	3.825.835.003	1.972.314.000
(Hoàn nhập)/trích lập trong kỳ	(3.220.070)	1.984.645.774
Sử dụng trong kỳ	(88.778.119)	(1.387.500.000)
Số dư cuối kỳ	3.733.836.814	2.569.459.774

Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	145.000.000.000	177.711.446.954	152.512.034.176	475.223.481.130
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	28.166.439.579	28.166.439.579
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(7.238.823.291)	(7.238.823.291)
Cổ tức	-	-	(58.000.000.000)	(58.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(4.297.961)	(4.297.961)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	145.000.000.000	177.711.446.954	115.435.352.503	438.146.799.457
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	89.924.955.560	89.924.955.560
Cổ tức	-	-	(58.000.000.000)	(58.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.273.017.650)	(14.273.017.650)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	145.000.000.000	177.711.446.954	133.087.290.413	455.798.737.367
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	78.942.391.299	78.942.391.299
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(4.125.226.693)	(4.125.226.693)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(7.466.626.093)	(7.466.626.093)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(431.002.849)	(431.002.849)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	145.000.000.000	177.711.446.954	200.006.826.077	522.718.273.031

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019	và 1/1/2019
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	703.287.869	702.230.520
Từ hai đến năm năm	2.813.151.475	2.808.922.081
Trên năm năm	4.498.979.038	4.843.330.370
	8.015.418.382	8.354.482.971

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.916.508.306
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.733.494.230
	4.650.002.536

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu	183.115.060.989	168.552.728.264
▪ Bán thành phẩm	567.582.365	511.363.638
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu</i>	2.692.105.794	2.063.813.436
<i>thụ đặc biệt</i>	186.374.749.148	171.127.905.338
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	355.751.016.960	326.182.564.100
▪ Cung cấp dịch vụ	(172.635.955.971)	(157.629.835.836)
▪ Doanh thu khác	567.582.365	511.363.638
	186.374.749.148	171.127.905.338

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn	142.716.795.120	135.340.396.013
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	387.411.531	404.087.034
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	240.548.012	369.579.637
▪ Giá vốn khác	143.344.754.663	136.114.062.684

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.378.641.559	7.131.917.500
Lãi tiền gửi	796.569.700	4.812.468
	<hr/>	<hr/>
	51.175.211.259	7.136.729.968

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.332.443.524	4.036.222.944
Chi phí khấu hao	273.066.647	222.412.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	575.448.803	575.052.935
Chi phí quản lý khác	2.836.629.196	3.276.180.107
	<hr/>	<hr/>
	8.017.588.170	8.109.868.490

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	100.540.809.014	90.841.058.777
Chi phí nhân công và nhân viên	15.345.232.318	15.744.861.401
Chi phí khấu hao và phân bổ	18.863.770.646	18.653.720.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.151.027.074	10.600.446.633
Chi phí khác	6.516.147.681	8.596.650.571
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	7.326.598.423	5.343.100.520
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.989.771	-
	<hr/>	<hr/>
	7.333.588.194	5.343.100.520

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	86.275.979.493	33.509.540.099
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	17.255.195.899	6.701.908.020
Chi phí không được khấu trừ thuế	141.393.504	67.576.000
Thu nhập không bị tính thuế	(10.075.728.312)	(1.426.383.500)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	5.737.332	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.989.771	-
	<hr/>	<hr/>
	7.333.588.194	5.343.100.520

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	355.269.618.960	325.118.914.100
Mua nguyên vật liệu	63.132.289.440	56.581.552.984
Cổ tức	-	29.580.000.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Phân phối lợi nhuận	44.315.692.459	-
Tiền khen thưởng phúc lợi	492.659.382	1.627.952.097
Mượn vật tư	58.989.440	153.618.256
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu		
Cổ tức	3.603.600.000	2.402.400.000
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô		
Cổ tức	2.459.349.100	-
Mượn vật tư	15.436.000	-
Mua hàng hóa	8.181.820	20.295.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	762.399.000	3.392.000.000
Phí sử dụng vỏ chai	1.372.796.154	1.621.556.109
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	249.300.000	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	178.446.440	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Bán hàng	-	21.780.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

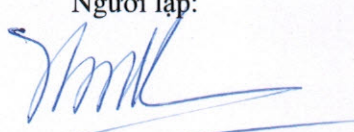
Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền Mua hàng hóa	3.927.400	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang Bán hàng Mua hàng hóa	50.904.000 -	- 17.262.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung Bán hàng hóa	23.645.806	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Đông Mua hàng hóa	17.550.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt Lương và các quyền lợi gộp khác	4.364.749.294	3.045.993.930

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập:

 Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

 Lê Đăng Khoa
 Giám đốc

